

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Mã phân loại sản phẩm theo GHS	Maintenance Liquid 16
Mã sản phẩm	ML016-Z-B2 / ML016-Z-K1
Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng	Chất lỏng bảo trì cho máy in phun
Tên nhà sản xuất	MIMAKI ENGINEERING CO., LTD.
địa chỉ nhà sản xuất	2182-3 Shigeno-otsu, Tomi-shi, Nagano 389-0512 JAPAN
số điện thoại	+81-268-64-2413
Số điện thoại khẩn cấp	+84 28 4458 2388 (chỉ trong phạm vi Việt Nam) +65 3158 1074

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại theo GHS	Tổn thương nghiêm trọng / kích ứng mắt Cấp 2
CÁC NGUY CƠ VỀ SỨC KHỎE	Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại Cấp 2 (Gan Thận)
Các yếu tố nhãn theo GHS	
BIỂU TƯỢNG HOẶC KÝ HIỆU	
TỪ BÁO HIỆU	Cảnh báo
Cảnh báo nguy cơ	H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng H373 Có thể gây tổn hại đến các cơ quan qua phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại (Gan, Thận)
CÁC TUYÊN BỐ VỀ PHÒNG NGỪA NGĂN NGỪA	Không được hít thở sương mù/hơi/hơi phun (P260) Rửa hoàn toàn sau khi sử dụng (P264) Mang bảo vệ mắt/bảo vệ mặt (P280) NẾU TRONG MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu đang đeo và nếu dễ thực hiện. Tiếp tục rửa (P305+P351+P338) Cần tư vấn/chăm sóc y tế nếu bạn thấy không khỏe (P314) Nếu sự kích thích mắt tiếp diễn: Cần tư vấn/chăm sóc y tế (P337+P313)
ĐÁP ỨNG	Không có
BẢO QUẢN	Không có
THẢI BỎ	Thải bỏ các thành phần/thùng chứa ở bãi chôn lấp đã được phê duyệt (P501)

3. Thông tin về thành phần các chất

CHẤT HOẶC HỖN HỢP	Chất		
Tên hóa chất	Hàm lượng	Công thức hóa học	Số CAS
3-methoxy-N,N-dimethylpropionamide	90-100%	Không biết	53185-52-7

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

TRONG TRƯỜNG HỢP HÍT PHẢI	Gọi TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sỹ/thầy thuốc nếu bạn cảm thấy không khỏe.
TRONG TRƯỜNG HỢP TIẾP XÚC VỚI DA	NẾU DÍNH VÀO DA, Rửa nhẹ nhàng bằng nhiều xà phòng và nước. Nếu bị ngứa ngáy trên da: Đề nghị có sự trợ giúp y tế và các hỗ trợ khác.
TRONG TRƯỜNG HỢP TIẾP XÚC VỚI	NẾU VÀO MẮT, Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu đang đeo và có thể làm dễ dàng. Tiếp tục rửa.
TRONG TRƯỜNG HỢP ĂN PHẢI	Xúc miệng. NẾU NUỐT PHẢI, Gọi ngay TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sỹ/thầy thuốc nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng. KHÔNG cố nôn ra.

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY	CO2, hóa chất khô, cát khô, bột chống cồn và sương mù nước.
PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY KHÔNG PHÙ HỢP	Tia sáng thẳng.
NHỮNG NGUY HIỂM CỤ THỂ	Nguy cơ sinh ra các khí có hại như carbon monoxide và các. Tránh hít phải khói hoặc các khí đó.
NHỮNG PHƯƠNG PHÁP CỤ THỂ	Trong trường hợp hỏa hoạn, hãy tránh xa các nguồn gây cháy và sử dụng các phương tiện dập lửa phù hợp. Hãy dập lửa từ vị trí ngược hướng gió nếu có thể. Trong khu vực cháy, vận chuyển ngay lập tức contenô tới khu vực an toàn, nếu các contenô có thể vận chuyển được. Nghiêm cấm nhân viên không được phép tiếp cận khu vực xung quanh đám cháy. Yêu cầu nhân viên không phạm sự miễn tiếp cận.
BẢO VỆ LÍNH CỨU HỎA	Sử dụng kính bảo hộ kết hợp với mặt nạ chống bụi, và các phương tiện bảo vệ khác tùy theo tình huống.

6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố	Sử dụng kính bảo hộ kết hợp với mặt nạ chống bụi và các biện pháp bảo vệ khác phù hợp với từng tình huống. Lượng vật liệu tràn lớn: Sơ tán khu vực. Đảm bảo thông khí đầy đủ.
Các cảnh báo về môi trường	Không thải trực tiếp vào cống rãnh, nước trên mặt hoặc nước ngầm.
Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố	lượng vật liệu tràn nhỏ: hút bằng vật liệu như vật liệu không gây cháy, rửa kỹ sau khi xử lý. Lượng vật liệu tràn lớn: Cách ly phần vật liệu tràn và thải vào khu vực an toàn.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

7. Yêu cầu về cất giữ

VIỆC SỬ DỤNG

CÁC BIỆN PHÁP KỸ THUẬT

Sử dụng hệ thống thoát khí thải cục bộ trong trường hợp có khói hay hơi sương.

Các cơ sở lưu trữ hoặc sử dụng vật liệu này nên trang bị thiết bị rửa mắt và vòi sen an toàn.

LỜI KHUYẾN VỀ SỬ DỤNG AN TOÀN

Mang bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.

Không hít bụi/khói/khí/sương muối/hơi/bụi nước.

BẢO QUẢN

CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN PHÙ HỢP

Bảo quản ở nơi có thông khí tốt.

8. Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

CÁC BIỆN PHÁP CÔNG NGHỆ

Sử dụng hệ thống thoát khí thải cục bộ trong trường hợp có khói hay hơi sương.

Các cơ sở lưu trữ hoặc sử dụng vật liệu này nên trang bị thiết bị rửa mắt và vòi sen an toàn.

Sử dụng thiết bị điện chống cháy nổ và phòng ngừa sự tĩnh điện.

THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

BẢO VỆ ĐƯỜNG HÔ HẤP

Nếu cần thiết, hãy mang bảo vệ đường hô hấp.

BẢO VỆ TAY

Nếu cần thiết, hãy mang găng tay bảo vệ.

BẢO VỆ MẮT

Nếu cần thiết, hãy mang bảo vệ mắt.

BẢO VỆ DA VÀ CƠ THỂ

Nếu cần thiết, hãy mặc quần áo bảo hộ.

CÁC BIỆN PHÁP VỆ SINH

Rửa tay cẩn thận sau khi thao tác

9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Trạng thái vật lý

Chất lỏng

MÀU

Trong suốt không màu

MÙI

Không có dữ liệu

NGƯỠNG MÙI

Không có dữ liệu

pH

Không có dữ liệu

ĐIỂM NÓNG CHẢY

Không có dữ liệu

ĐIỂM SÔI

215°C

ĐIỂM CHỚP CHÁY

99°C (ASTM D6450), 116°C (Phương pháp cố hử CLEVELAND)

NGƯỠNG MÙI

Không có dữ liệu

TÍNH DỄ CHÁY (RẮN, KHÍ)

Dễ cháy

CÁC GIỚI HẠN NỔ HOẶC CHÁY

GIỚI HẠN DƯỚI

1.1 vol%(120°C)

GIỚI HẠN TRÊN

34.0 vol%(200°C)

ÁP SUẤT HƠI

75.5Pa (20°C)

TỶ TRỌNG HƠI

Không có dữ liệu

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

TRỌNG LƯỢNG RIÊNG (TỶ TRỌNG)	0.994 (20 °C)
TÍNH TAN TRONG	>500g/l (21.5 °C)
HỆ SỐ PHÂN TÁCH: n- OCTANOL/NƯỚC(log Pow)	Log10Pow < 0.3 (25°C)
NHIỆT ĐỘ TỰ CHÁY	219°C
NHIỆT ĐỘ PHÂN HỦY	Không có dữ liệu

10. Mức ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

Khả năng phản ứng	Không có thông tin
Tính ổn định	Sản phẩm ổn định về mặt hóa học.
Phản ứng nguy hiểm	Không phân hủy nếu được lưu trữ và áp dụng theo chỉ dẫn.
Các điều kiện cần tránh	Không có thông tin
Vật liệu không tương thích	Các chất oxi hóa mạnh.
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	Có thể tích tụ khói nguy hiểm/độc hại trong trường hợp hỏa hoạn/nhiệt độ cao. Oxit nitơ (NOX), Carbon monoxide, dioxit và hydrocacbon không cháy hết (khói).

11. Thông tin về độc học

Độc cấp tính (miệng)	Không thể thực hiện việc phân loại:53185-52-7 (nguồn: Registered substances (ECHA))
Độc cấp tính (da)	Không thể thực hiện việc phân loại:53185-52-7 (nguồn: Registered substances (ECHA))
Độc cấp tính (hô hấp : khí)	Không thể thực hiện việc phân loại:53185-52-7 (nguồn: Registered substances (ECHA))
Độc cấp tính (hô hấp : hơi)	Không thể thực hiện việc phân loại:53185-52-7 (nguồn: Registered substances (ECHA))
Độc cấp tính (hô hấp : bụi và sương)	Không thể thực hiện việc phân loại:53185-52-7 (nguồn: Registered substances (ECHA))
Ăn mòn / kích ứng da	Không thể thực hiện việc phân loại:53185-52-7 (nguồn: Registered substances (ECHA))
Tổn thương nghiêm trọng / kích ứng mắt	Loại 2:53185-52-7 (nguồn: Registered substances (ECHA))
Tác nhân nhạy hô hấp	Không thể thực hiện việc phân loại:53185-52-7 (nguồn: Registered substances (ECHA))
Tác nhân nhạy da	Không thể thực hiện việc phân loại:53185-52-7 (nguồn: Registered substances (ECHA))
Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)	Không thể thực hiện việc phân loại:53185-52-7 (nguồn: Registered substances (ECHA))
Tác nhân gây ung thư	Không thể thực hiện việc phân loại:53185-52-7 (nguồn: Registered substances (ECHA))
Độc tính sinh sản	Không thể thực hiện việc phân loại:53185-52-7 (nguồn: Registered

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Độc tính sinh sản-Ảnh hưởng đến hoặc qua sữa mẹ

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại

Nguy hại hô hấp

substances (ECHA))

Không thể thực hiện việc phân loại:53185-52-7 (nguồn: Registered substances (ECHA))

Không thể thực hiện việc phân loại:53185-52-7 (nguồn: Registered substances (ECHA))

Loại 2:53185-52-7 (cơ quan = Gan, Thận, nguồn: Registered substances (ECHA))

Không thể thực hiện việc phân loại:53185-52-7 (nguồn: Registered substances (ECHA))

12. Thông tin về sinh thái

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh

Không thể thực hiện việc phân loại:53185-52-7 (nguồn: Registered substances (ECHA))

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh

Không thể thực hiện việc phân loại:53185-52-7 (nguồn: Registered substances (ECHA))

13. Thông tin trong việc thải bỏ

Chất thải của phần dư/sản phẩm chưa sử dụng

Trước khi xử lý cần làm cho chất thải không hại, ổn định, trung tính và hạn chế tối đa nguy hiểm và độc hại của rác.

Bao bì đã bị nhiễm

Được chuyển cho nhà thầu về chất thải đã được cấp phép.

Sử dụng lại contenô sau khi làm sạch hoặc xử lý các chất thải tuân thủ luật và các quy định của chính quyền địa phương.

Trong trường hợp phải sắp xếp, vận chuyển contenô rỗng, hãy di chuyển nhẹ nhàng.

14. Thông tin khi vận chuyển

CÁC QUY ĐỊNH QUỐC TẾ

Thông tin về IMDG

Không có hàng hóa nguy hiểm

Thông tin về IATA

Không có hàng hóa nguy hiểm

15. Thông tin về pháp luật

Sản phẩm này được đánh giá và quản lý theo các quy định hiện hành của Việt Nam, bao gồm:

Luật Hóa chất số 69/2025/QH15.

Nghị định số 24/2026/NĐ-CP quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất.

Nghị định số 26/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

Thông tư số 01/2026/TT-BCT quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP, bao gồm phân loại hóa chất, ghi nhãn hóa chất và Phiếu An toàn hóa chất (SDS).

Phân Tích Thành Phần - Danh Mục

3-methoxy-N,N-dimethylpropionamide (53185-52-7)

TSCA - United States	ENCS - Japan	KECI Annex 1, 2 - Korea	DSL/NDL - Canada	AICS - Australia	EINECS/ELIN CS - European	TCSI - Taiwan	DIW - Thailand
-------------------------	-----------------	----------------------------	---------------------	---------------------	------------------------------	------------------	----------------

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

					Union		
CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ

16. Các thông tin cần thiết khác

THAM KHẢO

SDS về vật liệu thô

NITE Trang mạng

ECHA Trang mạng

DỮ LIỆU KHÁC

Thông tin cung cấp trong Bản Thông Tin An Toàn này không hàm ý là đầy đủ và chỉ nên xem như là một hướng dẫn.

Tuy thông tin và các đề nghị nêu tại đây được tin là chính xác, công ty không có bất kỳ bảo đảm nào về các thông tin và đề nghị đó và từ chối tất cả mọi trách nhiệm pháp lý nảy sinh từ việc tin cậy vào đó.